

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2020/DS-PT
Ngày: 26/8/2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *N đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp Th, xã Tr, huyện C, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê Văn D, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: số 273/40/1, đường N, Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (văn bản ủy quyền ngày 06/9/2018).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Phước K, sinh năm 1964;

2. Anh Nguyễn Phước N, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Trần Thị C, sinh năm 1966;

4. Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, anh N, anh H: Bà Trần Thị C, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án Sơ thẩm:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Từ năm 2014 đến năm 2016, bà Trần Thị C, ông Nguyễn Phước K, anh Nguyễn Phước H và anh Nguyễn Phước N có tổ chức góp hội nhiều dây hội, bà có tham gia 02 dây hội. Quá trình góp hội, gia đình bà C tự ngưng và bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên bà có tố cáo sự việc đến cơ quan Công an. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang, bà Trần Thị C thừa nhận việc tổ chức góp hội và đối chiếu sổ sách xác định số tiền hội đã đóng như sau:

- Dây hội 20.000.000 đồng/tháng, khai ngày 02/8/2014 AL, mãn ngày 02/6/2016 AL, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần và đã đóng được 27 kỳ với số tiền 238.000.000 đồng.

- Dây hội 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/10/2015 AL, mãn ngày 20/9/2017 AL, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần và đã đóng được 01 kỳ với số tiền 7.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ hội là 245.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra có thu hồi, trả cho bà được số tiền 24.500.000 đồng, nên số tiền nợ hội còn nợ lại chưa trả là 220.500.000 đồng.

Bà yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị C, ông Nguyễn Phước K, anh Nguyễn Phước H và anh Nguyễn Phước N trả cho bà số tiền 253.575.000 đồng gồm: Tiền gốc: 220.500.000 đồng, Tiền lãi phát sinh từ ngày 12/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 6%/năm: $220.500.000 \text{ đồng} \times 0,5\%/\text{tháng} \times 30 \text{ tháng} = 33.075.000 \text{ đồng}$.

*** Bị đơn Trần Thị C trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Thị H có thỏa thuận việc góp hội, số người tham gia, số tiền mỗi kỳ góp hội, thời gian mở và mãn hội, trách nhiệm của chủ thảo khi lĩnh hội, không tiếp tục mở hội. Từ năm 2014, bà làm chủ thảo các dây hội và bà Nguyễn Thị H tham gia góp hội như bà Nguyễn Thị H đã trình bày. Quá trình mở hội, do các hội viên đã lĩnh hội không góp lại nên bà không có tiền để giao cho các hội viên còn lại khi họ được lĩnh hội dẫn đến bà phải ngưng mở hội. Ngày 12/01/2017, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang, đối chiếu sổ sách bà còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền đóng hội là 245.000.000 đồng.

Bà có nộp 24.500.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bà yêu cầu được trả số tiền nợ hụi gốc còn lại 220.500.000 đồng, không đồng ý trả lãi suất vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Riêng các bị đơn Nguyễn Phước K (chồng bà), Nguyễn Phước N và Nguyễn Phước H (con của bà và ông K) không tham gia giao dịch góp hụi giữa bà và bà H nên không phải có trách nhiệm liên đới trả nợ.

*** Bị đơn Nguyễn Phước K, Nguyễn Phước N và Nguyễn Phước H thống nhất trình bày:**

Các ông không liên quan đến việc giao dịch góp hụi giữa bà Trần Thị C và các hụi viên. Các ông không tham gia vào các dây hụi, góp hụi của bà Nguyễn Thị H nên không chấp nhận liên đới trả số tiền nợ hụi theo yêu cầu khởi kiện của N đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; Điều 298, Điều 479 Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Trần Thị C, ông Nguyễn Phước K, anh Nguyễn Phước N và anh Nguyễn Phước H liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 253.575.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 09 tháng 9 năm 2019, bà Trần Thị C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm số 70/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, bà C chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H, còn ông K, anh H, anh N không có nghĩa vụ trả tiền cho bà Hạnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C vẫn giữ N yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới chứng minh, Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà C thừa nhận, bà H có tham gia hụi do bà C làm thảo hụi, cụ thể: Dây hụi 20.000.000 đồng/tháng, khai ngày 02/8/2014 âm lịch, hụi mãn ngày 02/6/2016 âm lịch, có 24 phần, bà H tham gia một phần và đã đóng được 27 kỳ với số tiền 238.000.000 đồng; Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/10/2015 âm lịch, mãn ngày 20/9/2017 âm lịch, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần và đã đóng được 01 kỳ với số tiền 7.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ hụi là 245.000.000 đồng.

Theo biên bản đối chiếu nợ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang lập ngày 12/01/2017, bà C thừa nhận số nợ hụi trên và trả cho bà được số tiền 24.500.000 đồng, còn nợ lại chưa trả là 220.500.000 đồng. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số trên và tiền lãi.

[2] Bà C kháng cáo cho rằng, ông K, anh H, anh N không biết bà C và bà H chơi hụi, nên không có nghĩa vụ trả tiền cho bà H.

Xét thấy, ông K, anh H, anh N không đồng ý liên đới cùng bà C trả nợ hụi, nhưng lời khai ông K tại Cơ quan điều tra có biết việc bà C làm thảo hụi và có chở bà C đi gom hụi. Ngoài ra, phù hợp với lời làm chứng của bà Trần Thị N, Nguyễn Thị L, Đoàn Thị Ch, Nguyễn Thị Ng xác nhận có sự tham gia gom hụi của ông K, anh H, anh N.

Tại cơ quan điều tra bà C thừa nhận ông K, anh N và anh H có tham gia cùng đi thu tiền hụi các hụi viên, đồng thời bà C thừa nhận bà làm đầu thảo hụi đã lâu, tại thời điểm bề hụi số dây hụi bà C tổ chức cho khoảng hơn 90 hụi viên tham gia, số tiền các hụi viên tham gia chơi rất lớn, bà C nợ các hụi viên trên 40 tỷ đồng.

Nhận thấy, mục đích của việc bà C chơi hụi nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình bà C, ông K, anh H, anh N. Mặt khác, năm 2014 bà C đã thực hiện chuyển nhượng cho anh H thửa đất ở tỉnh Bình Phước; năm 2017 ông K đã chuyển nhượng đất cho anh N tại tỉnh Tiền Giang.

Do đó, án sơ thẩm buộc bà C, ông K, anh H, anh N có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi cho bà H là có cơ sở. Tại phiên tòa hôm nay, bà C không có chứng cứ gì mới chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà C, ông K, anh H, anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 26, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 298, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị C.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 70/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Trần Thị C, ông Nguyễn Phước K, ông Nguyễn Phước N và ông Nguyễn Phước H liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 253.575.000 đồng.(nợ hụi 220.500.000 đồng và lãi 33.075.000 đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà C, ông K, anh N, anh H phải liên đới chịu số tiền 6.339.375 đồng.

+ Hoàn lại bà H số tiền 6.036.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001818 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí phúc thẩm:

+ Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000148 ngày 09/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các

điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn